

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ học kỳ II năm học 2024-2025 và học kỳ I năm học 2025-2026

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Quyết định số 134/2025/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của UBND tỉnh quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 13996/TTr-STC ngày 23/12/2025 về việc phê duyệt danh sách học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ học kỳ II năm học 2024-2025 và học kỳ I năm học 2025-2026 (kèm theo Công văn số 4801/SGDĐT-KHTC ngày 01/12/2025 và Công văn số 5040/SGDĐT-KHTC ngày 15/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ học kỳ II năm học 2024-2025 và học kỳ I năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Học sinh bán trú học tại các cơ sở giáo dục phổ thông; học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp THCS, THPT; học sinh dân tộc nội trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ.

2. Chính sách đối với học sinh bán trú và học viên bán trú

- Hỗ trợ tiền ăn: Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ mỗi tháng là 936.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

- Hỗ trợ tiền nhà ở: Mỗi học sinh bán trú, học viên bán trú phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí chỗ ở trong trường mỗi tháng được hỗ trợ 360.000 đồng và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

- Hỗ trợ gạo: Mỗi học sinh, học viên được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học.

3. Số lượng học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ

3.1. Học kỳ II năm học 2024-2025

3.1.1. Tổng số học sinh, học viên đối với các trường THPT, THCS&THPT và Trung tâm Giáo dục thường xuyên: 3.520 học sinh, học viên.

- Đối với học sinh THPT có khoảng cách từ nhà đến trường từ 10 km và học sinh THCS có khoảng cách từ nhà đến trường từ 7 km trở lên được hưởng chính sách hỗ trợ: 3.215 học sinh.

- Đối với học sinh THPT có khoảng cách từ nhà đến trường dưới 10 km và học sinh THCS có khoảng cách từ nhà đến trường dưới 7 km (có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: qua sông, qua suối không có cầu; qua đèo, núi cao và vùng sạt lở đất, đá) được hưởng chính sách hỗ trợ: 305 học sinh.

3.1.2. Đối với học sinh dân tộc nội trú:

- Tổng số học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ: 836 học sinh.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

3.2. Học kỳ I năm học 2025-2026

3.1.1. Tổng số học sinh, học viên đối với các trường THPT, THCS&THPT và Trung tâm Giáo dục thường xuyên: 4044 học sinh, học viên.

- Đối với học sinh THPT có khoảng cách từ nhà đến trường từ 10 km và học sinh THCS có khoảng cách từ nhà đến trường từ 7 km trở lên được hưởng chính sách hỗ trợ: 3.804 học sinh.

- Đối với học sinh THPT có khoảng cách từ nhà đến trường dưới 10 km và học sinh THCS có khoảng cách từ nhà đến trường dưới 7 km (có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: qua sông, qua suối không có cầu; qua đèo, núi cao và vùng sạt lở đất, đá) được hưởng chính sách hỗ trợ: 240 học sinh.

3.1.2. Đối với học sinh dân tộc nội trú:

- Tổng số học sinh được hưởng chính sách hỗ trợ: 1.156 học sinh.

(Chi tiết tại Phụ lục số 2 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo căn cứ số lượng học sinh, học viên được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, thông báo cụ thể danh sách được hưởng chính sách hỗ trợ đến các nhà trường để tổ chức, triển khai thực hiện (*danh sách học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ thực hiện theo Công văn số 4801/SGDDĐT-KHTC ngày 01/12/2025 và Công văn số 5040/SGDDĐT-KHTC ngày 15/12/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo*); hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện thông báo công khai và tổ chức triển khai thực hiện chính sách cho học sinh, học viên theo đúng quy định. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý đối với các nội dung do đơn vị thẩm định và trình phê duyệt.

2. Giao Sở Tài chính căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật, số học sinh, học viên được phê duyệt tại Quyết định này bố trí dự toán kinh phí thực hiện và quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Dân tộc và Tôn giáo; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan và các cơ sở giáo dục có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXX (hongtt).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục 1:
DANH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN Ở VÀ HỖ TRỢ GẠO CHO HỌC SINH
HỌC VIÊN BÁN TRÚ, NỘI TRÚ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng học viên bán trú	Trên 10km	Dưới 10km
1	THPT Tỉnh Gia 4	3	3	
2	THPT Lê Lai	25	25	
3	THPT Cẩm Thủy 3	1	1	
4	THPT Bá Thước	142	142	
5	THPT Hà Văn Mao	167	155	12
6	THPT Mường Lát	753	697	56
7	THPT Như Xuân 2	9	9	
8	THPT Thường Xuân 2	194	140	54
9	THPT Thạch Thành 3	99	99	
10	THCS&THPT Quan Sơn	211	179	32
11	THPT Quan Hóa	226	226	
12	THPT Lang Chánh	225	225	
13	THPT Cẩm Thủy 1	1	1	
14	THPT Như Xuân	13	13	
15	THPT Quan Sơn	121	101	20
16	THPT Cẩm Bá Thước	42	41	1
17	THCS&THPT Bá Thước	156	156	
18	THPT Thường Xuân 3	150	150	
19	THPT Tỉnh Gia 3	4	4	
20	THCS&THPT Như Xuân	245	245	
21	THCS&THPT Quan Hóa	201	184	17
22	THPT Ngọc Lặc	20	20	
23	THPT Thạch Thành 1	6	6	
24	THPT Thạch Thành 2	10	10	
25	THPT Bắc Sơn	4	4	
26	THPT Như Thanh 2	172	71	101
27	THPT Như Thanh	12	12	
28	THCS&THPT Như Thanh	20	20	
29	THPT Thạch Thành 4	105	105	
30	Trung tâm GDNN-GDTX Mường Lát	71	61	10
31	Trung tâm GDNN-GDTX Quan Hóa	13	13	
32	Trung tâm GDNN-GDTX Quan Sơn	20	18	2
33	Trung tâm GDNN-GDTX Bá Thước	5	5	
34	Trung tâm GDNN-GDTX Lang Chánh	21	21	
35	Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Lặc	25	25	
37	Trung tâm GDNN-GDTX Thường Xuân	2	2	
38	Trung tâm GDNN-GDTX Như Thanh	22	22	

39	Trung tâm GDNN-GDTX Như Xuân	4	4	
40	THPT DTNT Tĩnh	406		
41	THPT DTNT Ngọc Lặc	430		
Tổng		4.356	3.215	305

Phụ lục 2:
DANH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN ĂN, TIỀN Ở VÀ HỖ TRỢ GẠO CHO HỌC SINH
HỌC VIÊN BÁN TRÚ, NỘI TRÚ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số lượng học viên bán trú	Trên 10km	Dưới 10km
1	THPT Như Xuân	26	26	
2	THCS và THPT Nghi Sơn	3	3	
3	THPT Cẩm Thủy 1	1	1	
4	THCS&THPT Bá Thước	161	161	
5	THPT Mường Lát	800	799	1
6	THPT Cẩm Thủy 3	2	2	
7	THPT Quan Hóa	262	262	
8	THPT Bắc Sơn	6	6	
9	THCS&THPT Quan Sơn	231	201	30
10	THPT Tĩnh Gia 4	1	1	
11	THCS&THPT Như Xuân	251	251	
12	THPT Thường Xuân 2	200	189	11
13	THPT Như Thanh	15	15	
14	THPT Hà Văn Mao	208	193	15
15	THPT Lê Lai	29	29	
16	THPT Như Thanh 2	187	74	113
17	THPT Như Xuân II	6	6	
18	THPT Cẩm Bá Thước	48	47	1
19	THPT Bá Thước	171	171	
20	THPT Ngọc Lặc	37	37	
21	THCS&THPT Như Thanh	18	18	
22	THPT Quan Sơn	151	134	17
23	THPT Thạch Thành 3	106	106	
24	THPT Thạch Thành 2	9	9	
25	THPT Lang Chánh	242	242	
26	THPT Thường Xuân 3	140	140	
27	THPT Thạch Thành 4	146	146	
28	THPT Thạch Thành 1	8	8	
29	THCS&THPT Quan Hóa	198	188	10
30	Trung tâm GDNN-GDTX Mường Lát	134	129	5
31	Trung tâm GDNN-GDTX Quan Hóa	33	33	
32	Trung tâm GDNN-GDTX Quan Sơn	27	23	4
33	Trung tâm GDNN-GDTX Bá Thước	97	64	33
34	Trung tâm GDNN-GDTX Lang Chánh	40	40	
35	Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Lặc	16	16	
37	Trung tâm GDNN-GDTX Thường Xuân	2	2	
38	Trung tâm GDNN-GDTX Như Thanh	21	21	

39	Trung tâm GDNN-GDTX Như Xuân	11	11	
40	THPT DTNT Ngọc Lặc	588		
41	THPT DTNT Tĩnh	568		
Tổng		5.200	3.804	240